

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

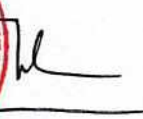
QUY TRÌNH

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (đối với cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm)

Mã hiệu: QT-TYCD-08

Ngày ban hành: 01/10/2019

Lần ban hành: 01

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phạm Thị Hương	Nguyễn Hữu Thiết	Lê Việt Bảo
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên phòng Thú y Cộng đồng	Trưởng phòng Thú y Cộng đồng	Chi cục trưởng

CH
HÃ
TÀ
OS

QUY TRÌNH

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (đối với cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu tại Phụ lục V Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính
2	Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (theo Mẫu tại Phụ lục VI Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y - 151 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11 – Điện thoại: 028.38536132 – Fax: 028.38536131 – Email: ccty.snn@tphcm.gov.vn	- Nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Nếu cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	700.000 đồng/ cơ sở

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

a/ Trường hợp cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (bao gồm hồ sơ nhận qua mạng điện tử): Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp hồ sơ gửi qua mạng điện tử chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ có phản hồi thông tin qua mạng điện tử cho cá nhân/cơ sở. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ; chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ xem xét, kiểm tra hồ sơ cơ sở
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng chuyên môn	4 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03 BM07 - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả	Xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ; lấy ý kiến đơn vị có liên quan (nếu có): + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: Xây dựng Tờ trình, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo BM 07. + Đối với hồ sơ thẩm

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					định không đạt: Tham mưu Tờ trình, công văn thông báo kết quả thẩm định không đạt.
B4	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	- Hồ sơ trình, - Dự thảo kết quả.	Xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận hoặc công văn thông báo trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục	1 ngày làm việc	- Hồ sơ trình, - Dự thảo kết quả.	Xem xét hồ sơ và ký duyệt Giấy chứng nhận hoặc công văn thông báo.
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, đóng dấu và chuyển hồ sơ đã ký duyệt cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Theo giấy hẹn	Giấy chứng nhận hoặc công văn thông báo	- Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ.

b/ Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (bao gồm hồ sơ nhận qua mạng điện tử): Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp hồ sơ gửi qua mạng điện tử chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ có phản hồi thông tin qua mạng điện tử cho cá nhân/cơ sở. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn
B3	- Phân công thụ lý hồ sơ - Xếp lịch thẩm định (trừ trường hợp cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B)	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ; chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ xem xét, kiểm tra hồ sơ cơ sở
B4	Thẩm định thực tế tại cơ sở	- Chuyên viên chuyên môn - Đại diện: Trạm chăn nuôi và thú y	9 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Hồ sơ liên quan	- Thông báo lịch thẩm định đến cơ sở. - Đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở vào biên bản thẩm định, đầy đủ, rõ ràng (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT) - Sau khi thẩm định, chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý B4.
B5	Xử lý hồ sơ sau thẩm định	Chuyên viên thụ lý hồ sơ	2 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 Hồ sơ liên	Xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ; lấy ý kiến đơn vị có liên quan (nếu

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				quan	có): + Đối với hồ sơ thẩm định đạt: Xây dựng Tờ trình, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo BM 07. + Đối với hồ sơ thẩm định không đạt: Tham mưu Tờ trình, công văn thông báo kết quả thẩm định không đạt.
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày làm việc	- Hồ sơ trình, - Dự thảo kết quả.	Xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận hoặc công văn thông báo trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục	1 ngày làm việc	- Hồ sơ trình, - Dự thảo kết quả.	Xem xét hồ sơ và ký duyệt Giấy chứng nhận hoặc công văn thông báo.
B8	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu và chuyển hồ sơ, Giấy chứng nhận cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả – Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả	Giấy chứng nhận hoặc công văn thông báo	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân (Kiểm tra nhận bản chính hồ sơ đối với hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử) - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
5	BM 05	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

6	BM 06	Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
7	BM 07	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
5	BM 05	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
6	BM 06	Bản thuyết minh điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
7	//	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc công văn thông báo
8	//	Thành phần hồ sơ theo mục I
9	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT- Bộ Công thương Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của bộ trưởng bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 4892/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Tổ chức lại Chi cục Thú y thành Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

4. Điện thoại:Fax:Email:.....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

Đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y thành phố Hồ Chí Minh cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-

C
CH
VÀ
WOS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20....

BẢN THUYẾT MINH

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm
nông, lâm, thủy sản**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:Fax:.....Email:.....
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

☐ DN nhà nước	☐ DN 100% vốn nước ngoài
☐ DN liên doanh với nước ngoài	☐ DN cổ phần
☐ DN tư nhân	☐ Khác:.....

(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:.....
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
8. Công suất thiết kế:.....
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 03 năm trở lại đây):.....
10. Thị trường tiêu thụ chính:.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/sản phẩm	Nguồn gốc/xuất xứ	
...				

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh:.....m², trong đó:

- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm:.....m²;
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh.....m²;
- + Khu vực đóng gói, thành phẩm:.....m²;
- + Khu vực/kho bảo quản thành phẩm:.....m²;
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác:.....m².

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh (đính kèm bản vẽ sơ đồ):

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng
.....				

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

☐ Nước máy công cộng

☐ Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:.....

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

☐ Tự sản xuất

☐ Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh

- Tổng số:.....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:.....người.

+ Lao động gián tiếp:.....người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần xuất làm vệ sinh:.....

- Nhân công làm vệ sinh:.....người; trong đó,người của cơ sở và.....đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ sử dụng
.....				

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang sử dụng (HACCP, ISO,...):.....

9. Phòng kiểm nghiệm:

- Của cơ sở: ☐ Các chỉ tiêu kiểm nghiệm của cơ sở có thể phân tích:.....

- Thuê ngoài ☐ Tên những phòng kiểm nghiệm gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION

Cơ sở/ *Establishment*:

Mã số/ *Approval number*:

Địa chỉ/ *Address*: , thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại/ *Tel*:

Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:

- 1.
- 2.
- 3.

Số cấp/ *Number*: /20.../NNPTNT - HCM

Có hiệu lực đến ngày tháng năm

Valid until (date/month/year)

và thay thế Giấy chứng nhận số: cấp ngày tháng năm

and replaces The Certificate N°: *issued on (date/month/year)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

CHI CỤC TRƯỞNG